

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HS-ST
Ngày 26 tháng 5 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH GIA LAI**

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Công Chự

Bà Phạm Thị Thư

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Vân – Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Nhất Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01.05/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trương Chung T, tên gọi khác Trương Văn T

Sinh ngày 10/3/2004 tại huyện P, tỉnh Gia Lai.

Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn 1/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trương Văn K, sinh năm 1971 (đã chết) và bà Hứa Thị N, sinh năm 1974

Tiền án, tiền sự: không

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Dương Cao T1, tên gọi khác: Không

Sinh ngày 05/2/2004 tại huyện P, tỉnh Gia Lai..

Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn 5/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Dương Văn C, sinh năm 1973 (đã chết) và bà Ngạc Thị T, sinh năm 1973

Tiền án, tiền sự: không

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam.

Có mặt tại phiên toà.

3. Trương Văn T2, tên gọi khác: Không

Sinh ngày 17/6/2001 tại Bù Gia Mập, Phước Long, Bình Phước

Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn 1/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trương Văn K, sinh năm 1971 (đã chết) và bà Hứa Thị N, sinh năm 1974
Tiền án, tiền sự: không

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam.

Có mặt tại phiên toà.

4. Trương Văn T3, tên gọi khác: Không

Sinh ngày 09/4/1999 tại Tỉnh Bình Phước

Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn 1/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trương Văn K, sinh năm 1971 (đã chết) và bà Hứa Thị N, sinh năm 1974

Có vợ: P-sinh năm 1999

Tiền án, tiền sự: không

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam.

Có mặt tại phiên toà.

Người bị hại:

1. Bà Kpuih T4, sinh năm 1983

Địa chỉ: Làng N, xã K, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Ông Lê Văn X, sinh năm 1977

Địa chỉ: Trang trại heo B thôn K, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Anh Hùng Văn H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Làng T 1, xã G, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Đăng B, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 1, phường L, T phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

5. Anh Phạm Đắc T7, sinh năm 1991

Địa chỉ: 38 H, T phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

6. Anh Siu W, sinh năm 2001

Địa chỉ: Làng K, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

7. Anh Rơ Mah Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ: Làng L, xã O, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

8. Ông Phan Q, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

9. Anh RChâm T6, sinh năm 1995

Địa chỉ: Làng D, xã G, T phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

10. Chị Kpuih V, sinh năm 1999
Địa chỉ: Làng H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
11. Chị Ksor C, sinh năm 2003
Địa chỉ: Làng H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
12. Ông Nguyễn Đình B1, sinh năm 1975
Địa chỉ: Làng H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
13. Bà Rơ Mah H, sinh năm 1963
Địa chỉ: Làng H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
14. Ông C, sinh năm 1986
Địa chỉ: Làng B, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Phi H, sinh năm 2007
Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
Người đại diện hợp pháp của Hoàng Phi H:
Ông Hoàng Đại D, sinh năm 1969
Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1983
Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai
Ông D có mặt, bà L vắng mặt.
2. Anh Hoàng Văn T6, sinh năm 2006
Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai
Người đại diện hợp pháp của Hoàng Văn T:
Ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1979
Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
3. Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1989
Địa chỉ: Làng S, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt
4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt
5. Ông Trần Văn T7, sinh năm 1999
Địa chỉ: Thôn A, xã D, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt
6. Anh Nguyễn Tất V, sinh năm 2001
Địa chỉ: Thôn A, xã D, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt
7. Anh Võ Văn B, sinh năm 1994
Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt
8. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1981
Địa chỉ: Làng G, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Có mặt
9. Anh Đinh Văn T10, sinh năm 1994
Địa chỉ: 355 C, phường B, T phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt
10. Ông Triệu Văn L, sinh năm 1981
Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt
11. Bà Nguyễn Thị T9, sinh năm 1989
Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

Người phiên dịch:
Ông Siu B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS-CPR ngày 30/01/2023, các bị cáo Trương Chung T, Dương Cao T1, Trương Văn T2 và Trương Văn T3 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 14h00 ngày 05/7/2022, Trương Chung T (tên khác Trương Văn T1) gặp Hoàng Văn T5 (trú tại thôn H, xã L, huyện P) tại tiệm internet ở đường Lý Nam Đế, T phố P, tỉnh Gia Lai. Tại đây, T rủ T5 đi tìm kiếm tài sản trộm cắp thì T5 đồng ý. T điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Raider màu đen BKS: 81U1 – 245.29 chở T5 đi đến huyện P để tìm kiếm tài sản. Khi đi ngang qua nhà chị Kpuih T4 tại làng N, xã K, huyện P, T thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh đen biển số 81B2-142.77 ở sân nên T rủ T5 trộm chiếc xe này thì T5 đồng ý. Sau đó 2 người quay lại tiệm internet ở T phố Pleiku chơi đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì cùng đi đến huyện P rồi giấu xe ở vườn cao su cách nhà bà T4 khoảng 500m, ngồi chơi đợi đến khoảng 23 giờ 30 cùng ngày, cả hai đi bộ đến trước nhà bà T4 và thấy xe mô tô BKS: 81B2 – 142.77 đang dựng ở sân, T mở cổng và mở cửa nhà rồi cùng T5 đi vào trong nhà tìm kiếm thì lấy được chìa khóa xe mô tô BKS: 81B2 – 142.77 cùng 02 ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO A37fw và OPPO A15 và cả hai ra mở khóa rồi dắt xe đi. T điều khiển xe mô tô mới lấy chở T5 đến lấy xe mô tô BKS: 81U1 – 245.29 rồi đi đến chơi tại tiệm internet ở đường Nơ Trang Long, T phố Pleiku. Tài sản lấy được T sử dụng ĐTDĐ OPPO A37fw còn T5 sử dụng ĐTDĐ OPPO A15, xe Exciter được T và T5 sử dụng chung

Ngày 07/7/2022 quá trình tuần tra, Công an huyện P phát hiện T điều khiển xe Exciter màu xanh đen biển số 81B2-142.77 chở T5 lưu thông trên đường nên mời về làm việc thì T và T5 khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 1147/KL-KTHS ngày 15/8/2022 của Phân viện KHHS Bộ Công an tại T phố Đ xác định độ tuổi của Hoàng Văn T5 tại thời điểm giám định (tháng 8 năm 2022) là: Từ 16 tuổi đến 16 tuổi 6 tháng.

Tại Bản kết luận định giá số 27/ KL-HĐĐGTS ngày 11/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 7 năm 2022: Xe mô tô Exciter màu xanh đen BKS: 81B2-142.77: 24.000.000 đồng; 01 điện T3 di động OPPO A37fw: 1.200.000 đồng; 01 điện T3 di động OPPO A15: 2.240.000 đồng. Tổng giá trị là 27.440.000 đồng

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô BKS: 81B2-142.77; 01 (một) điện T3 di động OPPO A37fw và 01(một) điện T3 di động OPPO A15, cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình bị hại là chị Kpuih T4

Trách nhiệm dân sự: Gia đình chị Kpuih T4 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về phần dân sự

Qua quá điều tra mở rộng vụ án xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 23/4/2022

đến ngày 05/7/2022, Trương Chung T cùng Hoàng Văn T5, Trương Văn T2, Dương Cao T1, Hoàng Phi H (sinh năm: 2006, trú tại thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai) và Trương Văn T3 nhiều lần trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có trên địa bàn huyện P, T phố Pleiku, huyện C và huyện Đ, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

***Vụ thứ nhất:** Khoảng 23 giờ ngày 23/4/2022 sau khi chơi net ở thị trấn P, huyện P T và T5 đi bộ về nhà. Khi đi đến khu vực làng K, xã B, huyện P thì cả hai nghỉ lại nhà văn hóa làng K. Lúc này T và T5 phát hiện nhà anh W ở phía sau nhà văn hóa có 02 xe mô tô, T5 rủ T lấy trộm xe để đi về thì T đồng ý. Cả hai đi bộ đến nhà anh W, T dắt 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu đen BKS: 93G1-182.98 còn T5 phụ đẩy phía sau đi ra trước nhà văn hóa thì T nối 2 dây điện ở phần ổ khóa xe rồi nổ máy chở T5 đi về xã Ia Lâu.

Tại Bản kết luận định giá số 37/KL- HĐĐGTS ngày 24/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 4 năm 2022: 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu đen xám, BKS: 93G1 – 182.98: 12.925.000 đồng

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu đen xám, BKS: 93G1 – 182.98, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại anh W

Trách nhiệm dân sự: Gia đình anh W đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về phần dân sự

***Vụ thứ hai:** Vào khoảng 8h00 ngày 26/4/2022, Trương Văn T2 điều khiển xe mô tô BKS: 93G1-182.98 chở T5 đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến khu vực làng B, xã Ka, huyện C, cả hai phát hiện xe mô tô Yamaha Sirius màu xanh bạc BKS: 81B2-384.91 của vợ chồng anh C và chị Rơ Châm B trú tại làng B, xã N, huyện C dựng trên bờ ruộng không có người trông coi nên T2 và T5 nảy sinh ý định trộm cắp. T2 và T5 giấu xe rồi T2 đứng canh giới còn T5 đi lại dắt xe mô tô BKS: 81B2-384.91 đi khoảng 200m thì đầu dây nổ máy xe. Sau đó, T5 điều khiển xe mô tô BKS: 81B2-384.91, T2 điều khiển xe mô tô BKS: 93G1-182.98 đi đến thôn 1, xã N thì gặp anh C điều khiển xe mô tô đi ngược chiều phát hiện đuổi theo, T5 chạy thoát được còn T2 điều khiển xe bị ngã xuống ruộng nước nên T2 bỏ xe lại chạy trốn.

Đến ngày 03/7/2022, T5 cùng T đưa xe mô tô BKS: 81B2-384.91 đến cửa hàng kinh doanh xe mô tô T tại 355 C, phường B, TP.P, tỉnh Gia Lai để bán cho anh Đinh Văn T9 cùng giấy tờ xe mà T5 thấy trong cốp xe này với giá 7.000.000 đồng, T5 và T đã tiêu xài hết số tiền trên.

Tại Bản kết luận định giá số 17/KL- ĐGTS ngày 29/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 4 năm 2022: 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu xanh-bạc, BKS: 81B2-384.91: 12.000.000 đồng

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô BKS: 81B2-384.91, Cơ quan CSĐT công an huyện C đã trả lại cho gia đình bị hại là anh C

01 xe mô tô BKS: 93G1-182.98 Cơ quan CSĐT công an huyện C đã chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an huyện P để xử lý.

Trách nhiệm dân sự: Gia đình anh C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về

phần dân sự

Anh Đinh Văn T9 khi mua xe của T5 và T thì không biết chiếc xe trên là xe trộm cắp mà có. Anh T9 không yêu cầu gì về dân sự

***Vụ thứ ba:** Khoảng 20h00 ngày 12/6/2022, T và T5 chơi net ở khu vực cầu 16, xã D, huyện P thì T5 rủ T đi trộm xe về sử dụng và T đồng ý. T điều khiển xe mô tô BKS: 81B2-384.91 chở T5 đi tìm xe từ quán net đến làng L, xã O. Tại đây, T5 thấy 01 xe mô tô ở phía sau nhà của anh Rơ Mah Đ nên rủ T trộm xe này. Cả 2 đi đến một sân bóng giấu xe và đi bộ quay lại phía sau nhà anh Đ thì thấy 01 xe mô tô Honda Wave màu xanh BKS: 81G1-197.95 có gắn chìa khóa trên xe, T5 lại dắt xe, T phụ đẩy phía sau. Khi dắt được khoảng 100m thì T5 nổ máy chở T đến sân bóng lấy xe mô tô BKS: 81B2-384.91 rồi cùng T5 đi đến TP.P. Sau đó khoảng mười ngày vì hết tiền tiêu xài nên T và T5 bán xe mô tô Honda Wave màu xanh BKS: 81G1-197.95 cho 01 người mua đồng nát dạo trên đường với giá 400.000 đồng. Số tiền này T và T5 tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá số 37/KL- HĐĐGTS ngày 24/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 6 năm 2022: 01 xe mô tô Honda Wave màu xanh đen, BKS: 81G1 – 197.95, số máy JC43E1803163, số khung 431XBY230415 có giá trị thiệt hại là 9.250.000 đồng

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô Honda Wave màu xanh đen, BKS: 81G1 – 197.95, số máy JC43E1803163, số khung 431XBY230415. T và T5 đã bán cho một người mua đồng nát dạo trên đường (Không xác định được lai lịch) do cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe trên.

Trách nhiệm dân sự: Anh Rơ Mah Đ yêu cầu các bị can bồi thường giá trị tài sản theo kết luận định giá

Vụ thứ tư: Vào ngày 15/6/2022, T rủ T5 đi trộm cắp tài sản, sau đó T điều khiển xe mô tô BKS: 81G1-197.95 chở T5 đi từ TP.P về xã G, huyện P tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến chợ xã G, cả hai dắt xe đi bộ đến nhà bà Hoàng Thị Đ tại làng T 1, xã G thì thấy có 02 xe mô tô dựng trước sân, trong nhà có nhiều người đang tụ tập ăn uống. Cả 2 quan sát, sau đó T5 đi lại chiếc xe mô tô Honda loại Wave màu sơn trắng không gắn biển số của anh Hùng Văn H trú trong làng đến chơi nhà bà Đ. Thấy xe có chìa khóa nên T5 rút chìa khóa xe này và cùng T ngồi đợi ở vườn điều cách nhà khoảng 10m. Sau khi thấy mọi người đi về, người trong nhà đi ngủ thì T và T5 đi lại dắt chiếc xe mô tô Wave màu trắng ra đường rồi tra chìa khóa nổ máy điều khiển xe đi ra chợ lấy xe mô tô BKS: 81G1-197.95 đi TP.Pleiku. Đến ngày 26/6/2022, T1 cầm cố chiếc xe trên tại tiệm sửa xe S thuộc làng G, xã P, huyện P với giá 3.500.000 đồng, số tiền này T, T5, T1 tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá số 27/KL- HĐĐGTS ngày 11/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 6 năm 2022: 01 xe mô tô Honda Wave màu trắng đen bạc, số máy JA39E2685566, số khung RLHJA3925NY188613: 19.000.000 đồng

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô Honda Wave màu trắng đen bạc, số máy JA39E2685566, số khung RLHJA3925NY188613, cơ quan điều tra tiến hành trao trả lại cho bị hại là anh Hùng Văn H

Trách nhiệm dân sự: Gia đình anh Hùng Văn H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về phần dân sự

Vụ thứ năm: Vào khoảng 23h30' ngày 17/6/2022, T điều khiển xe mô tô BKS: 81B2 – 384.91 chở T5 đi lang thang tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà anh RChâm T6 trú tại làng D, xã G, TP.P, tỉnh Gia Lai thì T và T5 thấy xe mô tô BKS: 81B1-882.29 nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen xám vàng của anh T6 để bên hông nhà, không có người trông coi. T, T5 đi bộ vào dắt xe ra khoảng 500m, T gỡ mặt nạ trước, đấu nối dây điện khởi động xe và điều khiển xe đi về còn T5 điều khiển xe mô tô BKS: 81B2 – 384.91 đi cùng. Xe mô tô này T và T5 sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản tại huyện P, quá trình sử dụng, biển số xe bị rách mất, đến ngày 7/7/2022 T đã giao nộp lại cho công an.

Tại Bản kết luận định giá số 125/KL- HĐĐGTS ngày 04/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự T phố Pleiku, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 6 năm 2022: 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu đen – xám - vàng, BKS: 81B1 – 882.29 là: 3.750.000 đồng

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô BKS: 81B1 – 882.29, Cơ quan CSĐT công an T phố Pleiku đã trả lại cho gia đình bị hại là anh RChâm T6

Trách nhiệm dân sự: Gia đình anh RChâm T6 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về phần dân sự

Vụ thứ sáu: Vào chiều ngày 20/6/2022, Dương Cao T1 điều khiển xe mô tô Honda Wave màu đen (không rõ BKS) của Trương Văn T3 đến khu vực trang trại heo B thuộc thôn K, xã P, huyện P để xin nghỉ việc thì phát hiện có 01 bình ắc quy đã gỡ ra gần xe trộn bê tông của anh Phan Q trú tại thôn K, xã P, huyện P nên T1 nảy sinh ý định trộm cắp. Đến tối cùng ngày T1 điều khiển H xe mô tô Honda Wave màu đen (không rõ BKS) quay lại lấy trộm 01 bình ắc quy rồi đem đi cất giấu. Hôm sau, T1 bán bình ắc quy trên cho chị Nguyễn Thị M trú tại thôn C, xã L, huyện P với giá 300.000 đồng, số tiền trên T1 tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá số 47/KL- HĐĐGTS ngày 03/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 6 năm 2022: 01 bình ắc quy thương hiệu GS, 12V100AH: 800.000 đồng

Vật chứng vụ án: 01 bình ắc quy thương hiệu GS, 12V100AH, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Phan Q

Trách nhiệm dân sự: Gia đình anh Phan Q đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về phần dân sự

Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu gì về phần dân sự

Vụ thứ bảy: Vào chiều ngày 23/6/2022, T2 gặp T1 tại nhà của T1 thì T1 rủ T2 đi trộm cắp xe mô tô và T2 đồng ý. Sau đó T2 gặp và rủ T5 đi trộm cắp tài sản thì T5 đồng ý còn T1 thì rủ thêm Hoàng Phi H thì H đồng ý. Đến 21h00 ngày 24/6/2022 T5 sử dụng máy tính tại quán nhắn tin qua messenger cho T2 thống nhất gặp nhau tại lò gạch thuộc xã L rồi cùng nhau đi trộm cắp tài sản. Lúc này T5 đang chơi nét cùng T nên T5 rủ T đi trộm cắp, T đồng ý và điều khiển xe mô tô Honda Wave màu trắng không gắn biển số chở T5 đi đến lò

gạch thuộc xã Ia Lâu, huyện P. Sau đó, T2 điều khiển xe mô tô Honda Wave màu đen (không rõ biển số) của T3 chở T1, H đi đến lò gạch gặp T, T5 rồi T2 dẫn đường đi đến trang trại heo ở xã P. Tất cả đợi ở một vườn bắp đến khoảng 01 giờ sáng thì cùng nhau đi bộ vào trong trang trại heo M, T2 thấy 01 xe mô tô Wave màu xanh đen bạc BKS: 81B1-138.15 của anh Phạm Đắc T7 trú tại 38 H, TP.P, tỉnh Gia Lai, trên xe có gắn chìa khóa nên T2 dắt xe, T1 phụ đẩy phía sau và cả năm đi về lại vườn bắp rồi T1, Hùng, T5, T tiếp tục đi xuống trang trại heo B phát hiện 01 xe mô tô Sirius màu vàng đen BKS: 34B1-775.49, không gắn biển số của anh Lê Văn X trú tại thôn K, xã P, huyện P và 01 xe mô tô Sirius màu đen đỏ BKS: 81B2-476.37 của anh Nguyễn Đăng B trú tại Tổ 1, Phường L, TP.P, tỉnh Gia Lai có gắn chìa khóa trên xe dựng trước lán trại. Cả bốn cùng đi lại, T5 dắt xe mô tô BKS: 34B1-775.49, Hùng phụ đẩy phía sau còn T1 và T dắt xe mô tô BKS: 81B2-476.37 quay lại chỗ T2 ngồi đợi. Sau đó, năm người điều khiển xe đi về một chòi rẫy không có người ở đường tránh từ xã G đi xã B để nghỉ ngơi. Ngày 26/6/2022, H cầm cổ xe mô tô BKS: 34B1-775.49 (không gắn biển số) tại tiệm sửa xe S với giá 1.500.000 đồng. 01 xe mô tô BKS: 81B2-476.37 thì T3, T2, T1 rã máy để bán ở xã B được 400.000 đồng, phần còn lại của xe thì bỏ lại chòi rẫy. 01 xe mô tô BKS: 81B1-138.15 thì T2 đưa cho Trần Văn T8 trú tại xã D, huyện P nhờ bán giùm với giá 700.000 đồng, T8 lại nhờ Nguyễn Tất V trú tại xã D, huyện P bán xe này cho anh Võ Văn B trú tại xã D, huyện P với giá 2.000.000 đồng, T8 chia cho V số tiền 500.000 đồng. Cả T8, V, B đều không biết nguồn gốc chiếc xe trên do T2 cùng đồng bọn trộm cắp mà có.

Tại Bản kết luận định giá số 27/KL- HĐĐGTS ngày 11/7/2022 và số 37/KL- HĐĐGTS ngày 24/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 6 năm 2022: 01 xe Honda Wave màu xanh đen bạc BKS: 81B1-138.15, số máy HC12E2950367, số khung 1203BY150363 là: 3.200.000 đồng và 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu vàng đen (BKS: 34B1-775.49 - không gắn biển số vì biển số bị gãy), số máy 5C64802711, số khung 40CY802708 là: 9.600.000 đồng; 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu đen – đỏ, BKS: 81B2-476.37, số máy 5C63387598, số khung C630AY387550 là: 10.575.000 đồng

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô BKS: 81B1-138.15, Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã trả lại cho anh Phạm Đắc T7

01 xe mô tô BKS: 34B1-775.49 (không gắn biển số), số máy 5C64802711, số khung 40CY802708, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Lê Văn X

01 xe mô tô BKS: 81B2-476.37, cơ quan điều tra xác định đây là tài sản của ông Phạm Chín (sinh năm: 1968, trú tại T6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) bị mất trộm vào năm 2020 tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chiếc xe mô tô trên bị T1, T, T2, T3 tháo các bộ phận đi bán. Phần đầu, bánh xe trước bán cho một người mua đồng nát (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 100.000 đồng. Phần máy bán cho anh Nguyễn Đức C với giá 400.000 đồng, C đã tháo rời ra để lấy linh kiện phục vụ việc sửa xe tại tiệm Honda C thuộc làng S, xã B, huyện P nên cơ quan điều tra không thu giữ được. Phần còn lại của xe Dương Cao T1 đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Ngày 14/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã chuyển cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ để tiếp tục điều tra xử lý

01 (một) điện T3 di động không rõ nhãn hiệu T2 dùng để liên lạc với T5 để bàn bạc đi

trộm cắp tài sản. Quá trình sử dụng T2 bị rút mất điện thoại di động này nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Trách nhiệm dân sự: bị hại Phạm Đức T, Lê Văn X, Nguyễn Đăng B đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về phần dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn B không yêu cầu gì về phần dân sự

Vụ thứ tám: Vào tối ngày 29/6/2022, T cùng T5, T3 và T1 đi chơi bằng 01 xe mô tô BKS 81B1-882.29 và 01 xe mô tô hiệu Wave Alpha, màu đen, không rõ biển kiểm soát của T3. Đến khoảng 01h00 ngày 30/6/2022 thì đến địa phận xã K, huyện Đ thì xe mô tô do T3 điều khiển bị hết xăng. Sau đó, T3 rủ ba đối tượng còn lại đi bộ vào làng H, xã K, huyện Đ để trộm cắp xăng đổ vào xe của T3 và tất cả đồng ý. Các đối tượng đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản tại làng H, xã K, huyện Đ, cụ thể như sau:

Các đối tượng đi đến nhà chị Ksor C và đi xung quanh nhà để tìm tài sản trộm cắp. Phát hiện thấy cửa sổ bên hông nhà đang mở, T3 cùng T và T1 đứng bên ngoài quan sát, cảnh giới còn T5 trèo lên gờ bờ tường nhìn vào bên trong cửa sổ phát hiện chị C đang ngủ ở trên giường sát cửa sổ, bên cạnh có để 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu OPPO màu đen. T5 thò tay vào bên trong cửa sổ lấy chiếc điện T3 cất vào trong người và tiếp tục đi bộ ra hướng ngoài đường chính để đi tìm tài sản trộm cắp.

Bốn đối tượng tiếp tục đi qua nhà bà Rơ Mah H, T3 đứng ở bên ngoài cảnh giới, T và T5 đi ra phía sau nhà thì phát hiện cửa ra vào nhà bếp phía sau không khóa và chốt bên trong nên T1, T và T5 đi vào bên trong nhà bà Huil để lục tìm tài sản trộm cắp và phát hiện tại phòng ngủ của bà H có 01 chiếc ĐTDD hiệu Samsung J2, màu trắng bị nứt màn hình đang sạc pin để tại đầu giường, những người trong gia đình vẫn đang ngủ. T5 lén lút chiếm đoạt chiếc điện T3 trên rồi tất cả nhanh chóng tẩu thoát.

Các đối tượng tiếp tục đến nhà anh Nguyễn Đình B1 và đi xung quanh nhà để tìm tài sản trộm cắp, phát hiện bên hông nhà có cửa sổ đang mở. T5 đứng ở bờ tường nhìn vào bên trong phát hiện 01 chiếc ĐTDD hiệu VIVO V20 màu đen của anh Nguyễn Đình B1 đang sạc pin trên kệ cạnh cửa sổ. T5 lén lút chiếm đoạt chiếc điện T3 trên rồi đưa lại cho T cất giấu trong người. Lúc này, do có tiếng chó sủa, sợ bị phát hiện nên các đối tượng bỏ đi, không tiếp tục tìm kiếm tài sản của gia đình anh B1 để trộm cắp nữa.

Sau khi ra khỏi nhà anh B1, các đối tượng tiếp tục đi đến nhà anh Ksor K thì phát hiện có nhiều xe máy dựng ở phía trước sân nhà, không có khóa cổng nên T và T5 đi vào bên trong nhà, T3 và T1 đứng ngoài trông coi cảnh giới. T và T5 phát hiện cửa ra vào bằng gỗ bên hông nhà, T mở gài khóa rồi cả hai đi vào trong nhà tìm kiếm, lục tìm tài sản, T5 phát hiện bên trong phòng ngủ có 01 ĐTDD hiệu Vsmart Star màu xanh dương của chị Ksor V đang để ở đầu giường, T5 lấy chiếc điện T3 trên còn T phát hiện 01 chìa khóa xe máy nên đã cầm đem ra ngoài cắm vào chiếc xe mô tô hiệu Suzuki, loại xe Raider, biển kiểm soát: 81U1 – 245.29 của chị Ksor V nhưng không khởi động được xe. T và T5 tiếp tục vào trong tìm kiếm chìa khóa chiếc xe Suzuki Raider trên nhưng không thấy nên cả 04 đối tượng cùng đẩy chiếc xe Suzuki Raider về nơi các đối tượng để xe trước đó. Tại đây các đối tượng tìm cách khởi động chiếc xe Suzuki Raider, T3 rút bớt xăng đổ vào xe của T3. Tại đây, T5 nói với T3, T1 và T đã chiếm đoạt được 04 điện thoại di động. Sau khi nổ máy được chiếc xe Suzuki Raider, các đối

tượng đưa tài sản về nhà. Chiếc xe mô tô BKS: 81U1 – 245.29 các đối tượng sử dụng làm phương tiện đi lại còn 04 điện T3 di động T5 đã mang đến cơ sở kinh doanh mua bán điện T3 bán cho anh Triệu Văn L trú tại T 6, TT P 01 ĐTDĐ hiệu VIVO V20 được số tiền 1.800.000 đồng, bán cho chị Nguyễn Thị T9 trú tại TDP 2, thị trấn P 03 chiếc điện T3 di động còn lại được số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền là 2.300.000 đồng. T5 nói với các đối tượng số tiền bán 04 chiếc điện T3 là 1.200.000 đồng và T5 đưa cho T1, T mỗi người 300.000 đồng, số tiền còn lại T5 giữ. Toàn bộ số tiền trên các đối tượng đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá số 30/KL- HĐĐGTS ngày 11/7/2022 và số 35/KL- HĐĐGTS ngày 19/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đức Cơ, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 6 năm 2022: 01 ĐTDĐ hiệu Vsmart Star: 720.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Suzuki Raider, biển kiểm soát: 81U1 – 245.29: 39.900.000 đồng; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO màu đen: 496.000 đồng; 01 chiếc ĐTDĐ hiệu Samsung J2, màu trắng: 1.194.000 đồng; 01 chiếc ĐTDĐ hiệu VIVO V20 màu đen: 5.120.000 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO màu đen; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung J2, màu trắng; 01 ĐTDĐ hiệu VIVO V20, màu đen; 01 xe mô tô hiệu Suzuki Raider, biển kiểm soát: 81U1 – 245.29 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Cơ đã trả lại cho chị Ksor C, Rơ Mah H, Nguyễn Đình B1 và Ksor V.

01 ĐTDĐ hiệu Vsmart Star, màu xanh dương của chị Ksor V, T5 bán tại tiệm điện thoại của chị Nguyễn Thị T9, chị T9 đã bán cho khách (không nhớ ai) nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ không thu giữ được chiếc điện T3 trên.

01 xe mô tô hiệu Wave Alpha, màu đen, không rõ biển kiểm soát của Trương Văn T3 sau khi sử dụng thực hiện hành vi phạm tội đến khoảng tháng 7 năm 2022, T3 đã bán cho 01 người đàn ông không rõ địa chỉ, nhân thân, lai lịch ở thành phố P nên Cơ quan điều tra không có căn cứ truy tìm.

Trách nhiệm dân sự: các bị hại Ksor C, Rơ Mah H, Nguyễn Đình B1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về phần dân sự

Bị hại Ksor V đã nhận lại chiếc xe mô tô hiệu Suzuki Raider, biển kiểm soát: 81U1 – 245.29 và không yêu cầu gì về phần dân sự. Riêng đối với chiếc ĐTDĐ hiệu Vsmart Star, màu xanh dương, bị hại yêu cầu bồi thường theo kết quả định giá tài sản

Anh Triệu Văn L đã giao nộp 01 ĐTDĐ hiệu VIVO V20 và yêu cầu các bị can bồi thường lại số tiền 1.800.000 đồng. Chị Nguyễn Thị T9 đã giao nộp 01 ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO; 01 chiếc ĐTDĐ hiệu Samsung J2 và yêu cầu các bị can bồi thường lại số tiền 350.000 đồng

Quá trình điều tra xác định, ngoài hành vi trộm cắp tài sản Trương Văn T và Cao Văn T1 còn có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, cụ thể:

Vào ngày 26/4/2022, T đang ở nhà anh trai là Trương Văn T3 thì T2 và T5 điều khiển xe mô tô BKS: 81B2-384.91 đến chơi. Lúc này T hỏi T5 xe mô tô BKS: 93G1-182.98 đang ở đâu thì T5 kể việc T5 và T2 điều khiển xe trên đến huyện C trộm cắp xe mô tô BKS: 81B2-384.91, trên đường về T5 và T2 bị người dân truy đuổi nên T2 bỏ xe mô tô BKS: 93G1-

182.98 lại chạy thoát. Sau đó, T và T5 sử dụng xe mô tô BKS: 81B2-384.91 làm phương tiện đi lại. Đến ngày 3/7/2022 khi T và T5 đang ở tiệm internet A trên đường L, TP.P thì T5 bảo hết tiền và rủ T đem xe mô tô BKS: 81B2-384.91 đi bán thì T đồng ý. Sau đó T5 điều khiển xe chở T đến cửa hàng kinh doanh xe máy Q tại 355 C, TP.P gặp anh Đinh Văn T10 trú tại phường B, TP.P hỏi về việc bán xe mô tô BKS: 81B2-384.91. T5 không cho T10 biết về nguồn gốc xe mô tô trên do trộm cắp mà có đồng thời cung cấp giấy tờ xe mô tô BKS: 81B2-384.91, sau khi kiểm tra xe và giấy tờ anh T10 đồng ý mua xe và đưa số tiền 7.000.000 đồng cho T5. T5 và T đi bộ quay về tiệm internet A, cả hai tiêu xài chung hết số tiền trên.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô BKS: 81B2 – 384.91, anh Đinh Văn T10 đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Ngày 06/9/2022, Cơ quan CSĐT công an huyện P đã bàn giao chiếc xe trên cho Cơ quan CSĐT công an huyện C để xử lý theo thẩm quyền

Trách nhiệm dân sự: anh Đinh Văn T10 không yêu cầu bồi thường gì về dân sự

Vào ngày 26/6/2022, T1 cùng T, T5 và Hùng bàn bạc nhau cầm cố xe mô tô BKS: 34B1-775.49, không gắn biển số (vì biển số bị gãy), T1 chở T5 bằng xe mô tô Honda Wave màu trắng đen bạc không gắn biển số do T và T5 trộm cắp của anh Hùng Văn H vào ngày 15/6/2022 tại xã G, huyện P, H điều khiển xe mô tô BKS: 34B1-775.49, T điều khiển xe mô tô Yamaha loại Sirius màu sơn đen xám vàng, không gắn biển kiểm soát (xe của anh Rchâm T6) cùng nhau đi đến tiệm sửa xe S tại làng G, xã P, huyện P. Tại đây, T5 nói cầm cố xe mô tô Honda Wave màu trắng đen bạc không gắn biển số lấy 3.000.000 đồng tiêu xài thì T1 bảo để T1 đứng ra cầm cố xe này cho vì T1 hay đến đây sửa xe, có thể chủ tiệm nhớ mặt và đồng ý cho cầm cố. Trước đó, T và T5 đã nói cho T1 biết nguồn gốc chiếc xe này do T, T5 trộm cắp vào ngày 15/6/2022 tại làng T 1, xã G, huyện P. Sau đó, T1 vào hỏi ông Nguyễn Văn S trú tại làng G, xã P, huyện P cầm cố xe mô tô Honda Wave màu trắng đen bạc không gắn biển số, khi ông S hỏi về nguồn gốc, giấy tờ và biển số chiếc xe này thì T1 trả lời đây là xe mới mua, chưa có cả vệt xe cùng biển số, T1 cần tiền đi làm ở B, sau đó có tiền sẽ đến chuộc lại xe, ông S kiểm tra xe thấy còn mới nên đồng ý cầm cố xe này cho T1 giá 3.500.000 đồng. sau đó, H cũng cầm cố xe mô tô BKS: 34B1-775.49, khi ông S hỏi về nguồn gốc xe, giấy tờ và biển số xe thì H trả lời là xe của mẹ H, giấy tờ để ở nhà còn biển số xe bị gãy cất ở nhà, ông S kiểm tra xe và đồng ý nhận cầm cố chiếc xe này với giá 1.500.000 đồng. Sau đó, ông S cho H, T1 viết giấy cầm xe máy và đưa tiền cho H, T1. T điều khiển xe mô tô Yamaha loại Sirius màu sơn đen xám vàng, không gắn biển kiểm soát chở T1, T5, Hùng về. Số tiền 5.000.000 đồng cầm cố trên cả bốn người cùng tiêu xài chung.

Vật chứng vụ án: Ngày 07/7/2022, ông Nguyễn Văn S giao nộp cho cơ quan điều tra 01 xe mô tô Honda Wave màu trắng đen bạc, số máy JA39E2685566, số khung 40CY802708 và 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu vàng đen BKS: 34B1-775.49 (không gắn biển số).

Trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn S yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền cầm cố 02 chiếc xe là 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn S yêu cầu bị cáo Dương Cao T1 phải trả 3.500.000 đồng, yêu cầu Hoàng Phi H phải trả 1.500.000 đồng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh Rơ Mah Đ, chị Ksor V yêu cầu bồi thường theo pháp luật, ông Triệu Văn L, bà Nguyễn Thị T9 yêu cầu các bị cáo trả lại tiền theo pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 30/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trương Chung T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, Dương Cao T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, Trương Văn T2, Trương Văn T3 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Trương Chung T và Dương Cao T1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; của Bộ luật hình sự 2015; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Trương Chung T (Trương Văn T) 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm về tội Trộm cắp tài sản

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Trương Chung T (Trương Văn T) 12 đến 14 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trương Chung T phải chấp hành hình phạt chung là 05 năm 06 tháng đến 06 năm 02 tháng tù

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; của Bộ luật hình sự 2015; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Dương Cao T1 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm về tội Trộm cắp tài sản

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Dương Cao T1 12 đến 14 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Dương Cao T1 phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm 06 tháng đến 05 năm 02 tháng tù

Áp dụng khoản 1 Điều 173; của Bộ luật hình sự 2015; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Trương Văn T3 18 đến 20 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản

Áp dụng khoản 1 Điều 173; của Bộ luật hình sự 2015; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Trương Văn T2 24 đến 28 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử

Buộc bị cáo Trương Chung T (Trương Văn T) phải nộp 3.666.666 đồng sung công quỹ Nhà nước

Buộc bị cáo Dương Cao T1 phải nộp 466.666 đồng sung công quỹ Nhà nước

Buộc bị cáo Trương Văn T2 phải nộp 866.666 đồng sung công quỹ Nhà nước

Buộc ông Hoàng Văn Hoàn phải nộp 3.500.000 đồng sung công quỹ Nhà nước

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản để đảm bảo thi hành án, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc

Buộc ông Hoàng Văn H phải bồi thường cho anh Rơ Mah Đ 4.625.000 đồng

Buộc các bị cáo Trương Chung T (Trương Văn T), Trương Văn T3, Dương Cao T1 và ông Hoàng Văn H phải có nghĩa vụ chung bồi thường cho chị Ksor V 720.000đ, cụ thể mỗi người bồi thường 180.000 đồng

Buộc bị cáo Dương Cao T1 phải trả cho ông Nguyễn Văn S 3.500.000 đồng

Buộc ông Hoàng Đại D và bà Hoàng Thị L phải trả cho ông Nguyễn Văn S 1.500.000 đồng

Buộc ông Hoàng Văn H phải trả cho ông Triệu Văn L 1.800.000 đồng

Buộc ông Hoàng Văn H phải trả cho bà Nguyễn Thị T 350.000 đồng

Buộc bị cáo Trương Chung T (Trương Văn T) phải trả cho Hoàng Văn T5 300.000 đồng, Hoàng Văn H được nhận số tiền này

Buộc bị cáo Dương Cao T1 phải trả cho Hoàng Văn T5 300.000 đồng, Hoàng Văn H được nhận số tiền này

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Buộc ông Hoàng Đại D, bà Hoàng Thị L và ông Hoàng Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo đồng ý nộp lại tiền thu lợi bất chính và bồi thường thiệt hại. Bị cáo Dương Cao T1 đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn S 3.500.000 đồng, bị cáo T1 và T đồng ý trả cho Hoàng Văn T5 mỗi người 300.000 đồng. Ông Hoàng Đại D đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn S 1.500.000 đồng thay cho Hoàng Phi H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp được thu thập hợp pháp. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Vào khoảng 14h00 ngày 05/7/2022, Trương Chung T (tên khác Trương Văn T) điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Raider màu đen BKS: 81U1 – 245.29 chở Hoàng Văn T5 đi đến làng N, xã K, huyện P, T và T5 đã đột nhập vào nhà chị Kpuih T4 và lấy các tài sản gồm Xe mô tô Exciter màu xanh đen BKS: 81B2-142.77: 24.000.000 đồng; 01 điện T3 di động OPPO A37fw: 1.200.000 đồng; 01 điện T3 di động OPPO A15: 2.240.000 đồng. Tại Bản kết luận định giá số 27/ KL-HĐĐGTS ngày 11/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 7 năm 2022: Xe mô tô Exciter màu xanh đen BKS: 81B2-142.77: 24.000.000 đồng; 01 điện T3 di động OPPO A37fw: 1.200.000 đồng; 01 điện T3 di động OPPO A15: 2.240.000 đồng. Tổng giá trị là 27.440.000 đồng.

Khoảng 23 giờ ngày 23/4/2022, Trương Chung T và Hoàng Văn T5 đi bộ đến khu vực làng K, xã B, huyện P lấy trộm 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu đen BKS: 93G1-182.98 của anh Siu W rồi nổ máy đi về xã L. Tại Bản kết luận định giá số 37/KL- HĐĐGTS ngày 24/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 4 năm 2022: 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu đen xám, BKS: 93G1 – 182.98: 12.925.000 đồng

Vào khoảng 8h00 ngày 26/4/2022, Trương Văn T2 điều khiển xe mô tô BKS: 93G1-182.98 chở Hoàng Văn T5 đi đến khu vực làng B, xã K, huyện C, cả hai phát hiện và lấy trộm xe mô tô Yamaha Sirius màu xanh bạc BKS: 81B2-384.91 của vợ chồng anh C và chị Rơ Châm B trú tại làng B, xã N, huyện C dựng trên bờ ruộng. Tại Bản kết luận định giá số 17/KL- ĐGTS ngày 29/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Chư Păh, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 4 năm 2022: 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu xanh-bạc, BKS: 81B2-384.91: 12.000.000 đồng

Khoảng 20h00 ngày 12/6/2022, Trương Chung T điều khiển xe mô tô BKS: 81B2-384.91 chở Hoàng Văn T5 từ cầu 16, xã D, huyện P đến làng L, xã O trộm cắp 01 xe mô tô Honda Wave màu xanh BKS: 81G1-197.95 có gắn chìa khóa trên xe của anh Rơ Mah Đ. Tại Bản kết luận định giá số 37/KL- HĐĐGTS ngày 24/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 6 năm 2022: 01 xe mô tô Honda Wave màu xanh đen, BKS: 81G1 – 197.95, số máy JC43E1803163, số khung 431XBY230415 có giá trị thiệt hại là 9.250.000 đồng

Vào ngày 15/6/2022, Trương Chung T điều khiển xe mô tô BKS: 81G1-197.95 chở Hoàng Văn T5 đi từ TP.P về xã G, huyện P tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến chợ xã Ia Ga, cả hai cất xe đi bộ đến nhà bà Hoàng Thị Đ trộm cắp 01 xe mô tô Wave màu trắng ra đường rồi tra chìa khóa nổ máy điều khiển xe đi ra chợ lấy xe mô tô BKS: 81G1-197.95 của anh Hùng Văn H. Tại Bản kết luận định giá số 27/KL- HĐĐGTS ngày 11/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 6 năm 2022: 01 xe mô tô Honda Wave màu trắng đen bạc, số máy JA39E2685566, số khung RLHJA3925NY188613: 19.000.000 đồng.

Vào khoảng 23h30' ngày 17/6/2022, Trương Chung T điều khiển xe mô tô BKS: 81B2 – 384.91 chở Hoàng Văn T5 đi ngang qua nhà anh RChâm T6 trú tại làng D, xã G,

TP.P, tỉnh Gia Lai thì T và T5 thấy xe mô tô BKS: 81B1-882.29 nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen xám vàng của anh T6 để bên hông nhà, không có người trông coi. T, T5 đi bộ vào đất xe ra khoảng 500m đầu nổi dây điện khởi động xe và điều khiển xe đi. Tại Bản kết luận định giá số 125/KL- HĐĐGTS ngày 04/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự T phổ P, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 6 năm 2022: 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu đen – xám - vàng, BKS: 81B1 – 882.29 là: 3.750.000 đồng

Vào tối ngày 20/6/2022, Dương Cao T1 điều khiển xe mô tô Honda Wave màu đen (không rõ BKS) của Trương Văn T3 đến khu vực trang trại heo Nguyễn Bảo thuộc thôn K, xã P, huyện P lấy trộm 01 bình ắc quy đã gỡ ra gần xe trộn bê tông của anh Phan Q trú tại thôn K, xã P, huyện P đem đi cất giấu. Tại Bản kết luận định giá số 47/KL- HĐĐGTS ngày 03/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 6 năm 2022: 01 bình ắc quy thương hiệu GS, 12V100AH: 800.000 đồng

Vào chiều ngày 23/6/2022, Dương Văn T2, Dương Cao T1 Hoàng Văn T5, Hoàng Phi H, Trương Văn T rủ nhau đi đến trang trại heo ở xã P. Đến khoảng 01 giờ sáng thì cùng nhau đi bộ vào trong trang trại heo M. Tại đây, T2 và T1 lấy trộm 01 xe mô tô Wave màu xanh đen bạc BKS: 81B1-138.15 của anh Phạm Đắc T7. T1, Hùng, T5, T tiếp tục đi xuống trang trại heo B phát hiện và lấy trộm 01 xe mô tô Sirius màu vàng đen BKS: 34B1-775.49, không gắn biển số của anh Lê Văn X trú tại thôn K, xã P, huyện P và 01 xe mô tô Sirius màu đen đỏ BKS: 81B2-476.37 của anh Nguyễn Đăng B. Tại Bản kết luận định giá số 27/KL- HĐĐGTS ngày 11/7/2022 và số 37/KL- HĐĐGTS ngày 24/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 6 năm 2022: 01 xe Honda Wave màu xanh đen bạc BKS: 81B1-138.15, số máy HC12E2950367, số khung 1203BY150363 là: 3.200.000 đồng và 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu vàng đen (BKS: 34B1-775.49 - không gắn biển số vì biển số bị gãy), số máy 5C64802711, số khung 40CY802708 là: 9.600.000 đồng; 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu đen – đỏ, BKS: 81B2-476.37, số máy 5C63387598, số khung C630AY387550 là: 10.575.000 đồng

Vào tối ngày 29/6/2022, Trương Văn T cùng Hoàng Văn T5, Trương Văn T3 và Dương Cao T1 đi chơi bằng 01 xe mô tô BKS 81B1-882.29 và 01 xe mô tô hiệu Wave Alpha, màu đen, không rõ biển kiểm soát của T3 đến địa phận xã K, huyện Đ. T3 rủ cả nhóm đi bộ vào làng H, xã K, huyện Đ để trộm cắp. Tại đây, Cả T5 đã lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen của chị Ksor C, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J2 của bà Rơ Mah H, 01 chiếc điện thoại di động hiệu VIVO V20 màu đen của anh Nguyễn Đình Bằng, 01 điện thoại di động hiệu Vsmart Star màu xanh dương của chị Ksor V, cả bốn lấy mô tô hiệu Suzuki, loại xe Raider, biển kiểm soát: 81U1 – 245.29 của chị Ksor V. Tại Bản kết luận định giá số 30/KL- HĐĐGTS ngày 11/7/2022 và số 35/KL- HĐĐGTS ngày 19/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đức Cơ, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm tháng 6 năm 2022: 01 điện thoại di động hiệu Vsmart Star: 720.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Suzuki Raider, biển kiểm soát: 81U1 – 245.29: 39.900.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen: 496.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J2, màu trắng: 1.194.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động

hiệu VIVO V20 màu đen: 5.120.000 đồng

Vào ngày 26/4/2022, Trương Văn T đến cửa hàng kinh doanh xe máy Q tại 355 C, TP.P bán cho anh Đinh Văn T10 trú tại phường B, TP.P xe mô tô BKS: 81B2-384.91 được 7.000.000 đồng. Khi bán xe T biết rõ chiếc xe mô tô BKS: 81B2-384.91 là do Trương Văn T2 và Hoàng Văn T5 trộm cắp mà có. Vào ngày 26/6/2022, Dương Cao T1 cầm cố một mô tô Honda Wave màu trắng đen bạc không gắn biển số do T và T5 trộm cắp mà có ông Nguyễn Văn S trú tại làng G, xã P, huyện P được 3.500.000 đồng.

Hành vi của Trương Văn T cùng Trương Văn T2, Dương Cao T1, Trương Văn T3 nhiều lần lén lút chiếm đoạt tài sản là điện T3 di động, xe máy của người khác với tổng giá trị T tiền là 155.970.000 đồng đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trương Văn T, không có nghề nghiệp, trong thời gian ngắn từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2022 đã 7 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản mà bị cáo T trực tiếp và tham gia chiếm đoạt là 143.170.000 đồng. Do vậy, tội phạm mà bị cáo T đã thực hiện thuộc trường hợp định khung tăng nặng được quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Dương Cao T1 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản mà bị cáo T1 trực tiếp và tham gia chiếm đoạt là 71.605.000 đồng. Do vậy, tội phạm mà bị cáo T1 đã thực hiện thuộc trường hợp định khung tăng nặng được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trương Văn T2 và Trương Văn T3 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản mà bị cáo T2 và T3 trực tiếp và tham gia chiếm đoạt có giá trị dưới 50.000.000 đồng nên tội phạm mà các bị cáo T3 và T2 thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi Trương Văn T và Dương Cao T1 biết rõ xe mô tô Honda Wave màu trắng đen bạc, không có biển kiểm soát, số máy JA39E2685566, số khung RLHJA3925NY188613 và xe mô tô Sirius màu xanh bạc BKS: 81B2-384.91 là do các bị cáo khác phạm tội mà có nhưng vẫn mang đi tiêu thụ, hành vi của T và T1 đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đã phạm vào tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất của tội phạm

Đây là vụ án có nhiều lần các bị cáo thực hiện tội phạm vào nhiều lần khác nhau vào các thời điểm khác nhau, trong đó các hành vi chiếm đoạt tài sản được thực hiện vào đêm 23 rạng sáng ngày 24/6/2022 và tối ngày 29 rạng sáng ngày 30/6/2022 mang tính đồng phạm giản đơn thông thường, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội mà không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ với nhau. Trong đó bị cáo Trương Văn T và Dương Cao T1 là những người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, Trương Văn T2 giữ vai trò thực hành, Trương Văn T3 giữ vai trò là người giúp sức

Các bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản tổng giá trị T tiền là 155.970.000 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an, gây hoang mang trong dư luận quần chúng, ảnh hưởng đến công cuộc phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, thuộc trường hợp nghiêm trọng nên cần phải xử lý nghiêm khắc.

Các bị cáo Trương Văn T và Dương Cao T1 nhận thức được việc tiêu thụ các tài sản do các bị cáo khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng cũng động cơ vụ lợi cá nhân đã thực hiện tội phạm, hành vi phạm tội của các bị cáo T và T1 không những đã trực tiếp xâm phạm vào trật tự công cộng mà qua đó còn làm ảnh hưởng tiêu cực đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm về các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, do vậy cần phải xử lý nghiêm khắc.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Trương Văn T3 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Dương Cao T1, Trương Văn T2, Trương Văn T3 sau khi biết hành vi phạm tội bị phát hiện đã ra đầu thú nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Trương Chung T, Dương Cao T1, Trương Văn T2 đều thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên; quá trình thực hiện phạm tội phạm tội đã có hành vi rủ rờ, xúi giục Hoàng Văn T5 và Hoàng Phi H là những người dưới 18 tuổi tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, các bị cáo Trương Chung T, Dương Cao T1, Trương Văn T2 bị áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt

Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, xét thấy cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo của bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền do các bị cáo thu lợi từ việc phạm tội mà có cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Riêng đối với số tiền mà Hoàng Phi H và Hoàng Văn T5 có được từ việc tham gia hành vi trộm cắp, do H và T5 khi phạm tội chưa đủ 16 tuổi nên người đại diện theo pháp luật của H và T5 phải chịu nghĩa vụ thay. Cụ thể:

Đối với khoản tiền 7.000.000 đồng mà Hoàng Văn T5 và bị cáo T có được khi bán tài sản là chiếc xe Yamaha Sirius biển kiểm soát 81B2-384.91 cho anh Đinh Văn T1, chủ sở hữu tài sản đã nhận lại tài sản, anh Đinh Văn T1 không có yêu cầu về dân sự, do vậy số tiền 7.000.000 đồng mà T và T5 đã có được là khoản thu lợi bất chính cần buộc T và T5

phải nộp sung công quỹ Nhà nước, trong đó bị cáo T phải nộp 3.500.000 đồng, người đại diện theo pháp luật của Hoàng Văn T5 phải nộp 3.500.000 đồng.

Đối với số tiền 500.000 đồng các bị cáo Dương Cao T1, Trương Văn T2, Trương Văn T có được khi đã bán các bộ phận chiếc xe biển số 81B2-476.37 của anh Nguyễn Đăng B. Người bị hại không yêu cầu bồi thường, do vậy, số tiền 500.000 đồng được xác định là khoản thu lợi bất chính cần truy thu sung công quỹ Nhà nước, trong đó các bị cáo Dương Cao T1, Trương Văn T2, Trương Văn T mỗi bị cáo phải nộp 166.666 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 300.000 đồng mà Dương Cao T1 có được khi bán tài sản là Bình ắc quy GS 12V100AH cho bà Nguyễn Thị M, hiện tài sản đã trả cho người bị hại, bà M không yêu cầu về dân sự, do vậy, số tiền 300.000 đồng mà bị cáo T1 có được là khoản thu lợi bất chính cần buộc bị cáo T1 nộp sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 700.000 đồng mà Trương Văn T2 có được khi bán tài sản là chiếc xe mô tô 81B1-138.15, hiện tài sản đã trả cho người bị hại, không có yêu cầu về dân sự, do vậy, số tiền 700.000 đồng mà bị cáo T2 có được là khoản thu lợi bất chính cần buộc bị cáo T2 nộp sung công quỹ Nhà nước.

Tổng cộng bị cáo Trương Văn T phải nộp 3.666.666 đồng sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo Trương Văn T2 phải nộp 866.666 đồng sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo Dương Cao T1 phải nộp 466.666 đồng sung công quỹ Nhà nước. Người đại diện theo pháp luật của Hoàng Văn T5 là ông Hoàng Văn H phải nộp 3.500.000 đồng sung công quỹ Nhà nước

[7] Về dân sự:

Xét yêu cầu của anh Rơ Mah Đắc buộc các bị cáo phải bồi thường theo giá trị định giá tài sản bị mất là chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave biển kiểm soát 81G1-197.95, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 12/6/2022 Hoàng Văn T5 và bị cáo Trương Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave biển kiểm soát 81G1-197.95. Hiện chiếc xe đã bị T và T5 bán cho người khác, không thu hồi được. Do vậy, cần buộc Hoàng Văn T5 và bị cáo Trương Văn T phải có nghĩa vụ chung bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Rơ Mah Đắc, tại thời điểm anh Đắc bị mất tài sản thì tài sản được định giá là 9.250.000 đồng. Do vậy, bị cáo T bồi thường 4.625.000 đồng, Hoàng Văn T5 bồi thường 4.625.000 đồng, do khi thực hiện hành vi gây thiệt hại về tài sản cho anh Đắc, T5 chưa đủ 16 tuổi, do vậy cần buộc ông Hoàng Văn H là người đại diện theo pháp luật của Hoàng Văn T5 có nghĩa vụ bồi thường cho anh Rơ Mah Đắc 4.625.000 đồng.

Xét yêu cầu của chị Ksor V buộc các bị cáo phải bồi thường theo giá trị định giá tài sản bị mất là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vsmart Star, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào tối ngày 29 rạng sáng ngày 30/6/2022, các bị cáo Trương Văn T, Trương Văn T3, Dương Cao T1 cùng với Hoàng Văn T5 là những người tham gia trộm cắp tài sản là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vsmart Star của chị Ksor V, qua đó gây thiệt hại về tài sản cho chị H;Vương. Hiện tài sản không thu hồi được. Do vậy, cần buộc các bị cáo Trương Văn T, Trương Văn T3, Dương Cao T1 cùng với Hoàng Văn T5 phải có nghĩa vụ chung bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Ksor V, tại thời điểm chị V bị mất tài sản thì tài sản được định giá là 720.000 đồng. Do vậy, các bị cáo T, T3 và T1, mỗi bị cáo phải bồi thường

180.000 đồng, Hoàng Văn T5 bồi thường 180.000 đồng, do khi thực hiện hành vi gây thiệt hại về tài sản cho chị V, T5 chưa đủ 16 tuổi, do vậy cần buộc ông Hoàng Văn H là người đại diện theo pháp luật của Hoàng Văn T5 có nghĩa vụ bồi thường cho chị V 180.000 đồng.

Xét yêu cầu của anh Triệu Văn L buộc các bị cáo phải trả lại số tiền 1.800.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy. Khi Hoàng Văn T5 bán tài sản là chiếc điện thoại di động hiệu Vivo V20 cho anh L thì anh L không biết tài sản do T5 bán là do trộm cắp mà có, hiện chiếc điện thoại di động hiệu Vivo V20 đã được cơ quan chức năng thu hồi trả cho chủ sở hữu, do vậy yêu cầu của anh L là có căn cứ. Xét Hoàng Văn T5 là người trực tiếp bán chiếc điện thoại di động hiệu Vivo V20 cho anh L, do vậy cần buộc Hoàng Văn T5 phải trả cho anh Lang số tiền 1.800.000 đồng. Tại thời điểm T5 thực hiện hành vi giao dịch mua bán với anh Lang, T5 chưa đủ 16 tuổi, do vậy cần buộc ông Hoàng Văn H là người đại diện theo pháp luật của Hoàng Văn T5 có nghĩa vụ trả cho anh Lang số tiền 1.800.000 đồng. Sau khi có được 1.800.000 đồng, thì T5 có chia cho bị cáo Trương Văn T 300.000 đồng, chia cho bị cáo Dương Cao T1 300.000 đồng, tại phiên tòa T5 yêu cầu và các bị cáo T1 và T đồng ý trả cho T5 300.000 đồng, do vậy cần buộc bị cáo T1 và T mỗi bị cáo phải trả cho Hoàng Văn T5 số tiền 300.000 đồng. Người đại diện theo pháp luật của Hoàng Văn T5 là ông Hoàng Văn H được nhận số tiền này.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị T9 buộc các bị cáo phải trả lại số tiền 350.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy. Khi Hoàng Văn T5 bán các tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Vsmart Star; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J2 màu trắng cho bà Thịnh thì bà Thịnh không biết tài sản do T5 bán là do trộm cắp mà có nên đã mua với giá 500.000 đồng, hiện 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen và Samsung J2 màu trắng đã được cơ quan chức năng thu hồi trả cho chủ sở hữu, do vậy yêu cầu của bà T9 là có căn cứ. Xét Hoàng Văn T5 là người trực tiếp bán tài sản cho bà T9, do vậy cần buộc Hoàng Văn T5 phải trả cho bà T9 số tiền 350.000 đồng. Tại thời điểm T5 thực hiện hành vi giao dịch mua bán với bà Thịnh, T5 chưa đủ 16 tuổi, do vậy cần buộc ông Hoàng Văn H là người đại diện theo pháp luật của Hoàng Văn T5 có nghĩa vụ trả cho bà T9 số tiền 350.000 đồng.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn S buộc các bị cáo phải trả lại số tiền 5.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy.

Ngày 26/6/2022, bị cáo Dương Cao T1 cầm cố tài sản là một xe mô tô Honda Wave màu trắng đen bạc không gắn biển số cho ông S thì ông S không biết tài sản mà T1 cầm cố là do trộm cắp mà có nên đã nhận cầm cố với số tiền 3.500.000 đồng, hiện tài sản mà bị cáo T1 cầm cố đã được cơ quan chức năng thu hồi trả cho chủ sở hữu, do vậy yêu cầu của ông S là có căn cứ. Xét bị cáo Dương Cao T1 là người trực tiếp cầm cố chiếc xe cho ông S, do vậy cần buộc bị cáo Dương Cao T1 phải trả cho ông S số tiền 3.500.000 đồng. Sau khi có được số tiền 3.500.000 đồng, bị cáo T1 đã sử dụng tiêu xài chung cho nhiều người, không xác định được mức cụ thể cho từng người, tại phiên tòa, bị cáo T1 đồng ý trả cho ông S số tiền 3.500.000 đồng và không yêu cầu các bị cáo khác phải trả lại số tiền tiêu xài chung, do vậy cần buộc bị cáo T1 trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền 3.500.000 đồng.

Ngày 26/6/2022, Hoàng Phi H cầm cố tài sản là một xe mô tô Sirius màu vàng đen biển kiểm soát 34B1 – 775.49 cho ông S thì ông S không biết tài sản mà H cầm cố là do

trộm cắp mà có nên đã nhận cầm cố với số tiền 1.500.000 đồng, hiện tài sản mà H cầm cố đã được cơ quan chức năng thu hồi trả cho chủ sở hữu, do vậy yêu cầu của ông S là có căn cứ. Xét Hoàng Phi H là người trực tiếp cầm cố tài sản cho ông S, do vậy cần buộc Hoàng Phi H phải trả cho ông S số tiền 1.500.000 đồng. Tại thời điểm H thực hiện hành vi giao dịch với ông S, thì H chưa đủ 16 tuổi, tại phiên tòa, ông Hoàng Đại D là bố đẻ của Hoàng Phi H đồng ý trả cho ông S số tiền 1.500.000 đồng và không yêu cầu các bị cáo khác phải trả lại số tiền tiêu xài chung, do vậy cần buộc ông Hoàng Đại D và bà Hoàng Thị L là người đại diện theo pháp luật của Hoàng Phi H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền 1.500.000 đồng.

[7] Về vật chứng:

Vật chứng trong vụ án gồm:

- 01 xe mô tô BKS: 81B2-142.77; 01 (một) điện thoại di động OPPO A37fw và 01(một) điện thoại di động OPPO A15, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện P đã trả lại cho gia đình bị hại là chị Kpuih T4, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu đen xám, BKS: 93G1 – 182.98, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện P đã trả lại cho bị hại anh Siu W, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 xe mô tô BKS: 81B2-384.91, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Chư Păh đã trả lại cho gia đình bị hại là anh C, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 xe mô tô Honda Wave màu xanh đen, BKS: 81G1 – 197.95, số máy JC43E1803163, số khung 431XBY230415. T5 và bị cáo T đã bán cho một người mua đồng nát dạo trên đường (Không xác định được lai lịch), quá trình điều tra, cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe trên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

- 01 xe mô tô Honda Wave màu trắng đen bạc, số máy JA39E2685566, số khung RLHJA3925NY188613, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện P đã trao trả lại cho bị hại là anh Hùng Văn H, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét

- 01 xe mô tô BKS: 81B1 – 882.29, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố P đã trả lại cho gia đình bị hại là anh RChâm T6, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 bình ắc quy thương hiệu GS, 12V100AH, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện P đã trả lại cho bị hại Phan Q, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 xe mô tô BKS: 81B1-138.15, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại cho anh Phạm Đắc T7, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 xe mô tô BKS: 34B1-775.49, số máy 5C64802711, số khung 40CY802708, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại cho anh Lê Văn X, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- Phần còn lại của xe 01 xe mô tô BKS: 81B2-476.37, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để tiếp tục điều tra xử lý, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

- 01 (một) điện thoại di động không rõ nhãn hiệu mà Trương Văn T2 dùng để liên lạc với Hoàng Văn T5 để bàn bạc đi trộm cắp tài sản. Quá trình sử dụng T2 bị rút mất điện T3 di động này nên cơ quan điều tra không thu giữ được, do vậy không có cơ sở để xem xét, xử lý.

- 01 ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO màu đen; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung J2, màu trắng; 01 ĐTDĐ hiệu VIVO V20, màu đen; 01 xe mô tô hiệu Suzuki Raider, biển kiểm soát: 81U1 – 245.29 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Cơ đã trả lại cho chị Ksor C, Rơ Mah Huil, Nguyễn Đình B và Ksor V, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 ĐTDĐ hiệu Vsmart Star, màu xanh dương của chị Ksor V, Hoàng Văn T5 đã bán tại tiệm điện T3 của chị Nguyễn Thị T10, chị T10 đã bán cho khách (không nhớ ai) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không thu giữ được chiếc điện thoại trên, do vậy không có cơ sở để xem xét, xử lý.

[8] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Hoàng Phi H và Hoàng Văn T5 có nghĩa vụ chịu dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Liên quan đến vụ án có Hoàng Văn T5 là người giữ vai trò khởi xướng và thực hành tích cực trong việc thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội T5 chưa đủ 16 tuổi nên ngày 06/9/2022 Ủy ban nhân dân xã L, huyện P đã ra Quyết định xử lý hành chính giáo dục tại xã đối với Hoàng Văn T5. Công an huyện Đ và Công an huyện C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo đối với Hoàng Văn T5.

Liên quan đến vụ án có Hoàng Phi H: Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản Hùng chưa đủ 16 tuổi nên Công an huyện P đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức cảnh cáo.

Ngày 24/6/2022 Trương Văn T3 đã trực tiếp cùng các bị cáo T2, T1, T T2 hành tháo rời 01 xe mô tô Sirius màu đen đỏ BKS: 81B2-476.37 do T, T2, T1, T5, Hùng trộm cắp ngày 23/4/2022 để bán lấy tiền tiêu xài. Quá trình điều tra xác định T3 không biết nguồn gốc xe là do trộm cắp mà có, do đó hành vi của T3 không cấu T tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với Trần Văn T, Nguyễn Tất V, Võ Văn B, Đinh Văn T, Triệu Văn L, Nguyễn Thị T10, Nguyễn Thị M, Nguyễn Đức C, Nguyễn Văn S: là những người đã mua, cầm cố xe, bình ắc quy và các điện T3 do các bị cáo trộm cắp đem đến bán, cầm cố tuy nhiên những người này không biết nguồn gốc các tài sản trên do trộm cắp mà có. Do đó hành vi của T, V, B, T, L, T10, M, C, S không cấu thành tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điều 323 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra còn có 02 đối tượng mua đồng nát dạo đã mua 01 xe mô tô Honda Wave màu xanh đen, BKS: 81G1 – 197.95 và phần đầu, bánh xe trước của xe mô tô BKS: 81B2-476.37 do các đối tượng tháo ra. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch 02 người này, hiện cơ quan điều tra vẫn tiếp tục xác minh điều tra và xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Trương Chung T (Trương Văn T), Dương Cao T1, Trương Văn T2 và Trương Văn T3 phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Tuyên bố các bị cáo Trương Chung T, Dương Cao T1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Trương Chung T (Trương Văn T) 04 năm 09 tháng tù (bốn năm chín tháng tù), thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/07/2022 về tội Trộm cắp tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Trương Chung T (Trương Văn T) 13 (mười ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trương Chung T (Trương Văn T) phải chấp hành hình phạt chung là 05 năm 10 tháng tù (năm năm mười tháng tù), thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/07/2022

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Dương Cao T1 03 năm 09 tháng tù (ba năm chín tháng), thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/07/2022 về tội Trộm cắp tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Dương Cao T1 13 (mười ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Dương Cao T1 phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm 10 tháng tù (bốn năm mười tháng tù), thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/07/2022

Căn cứ khoản 1 Điều 173; của Bộ luật hình sự 2015; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Trương Văn T3 19 (mười chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/07/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; của Bộ luật hình sự 2015; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Trương Văn T2 26 (hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2022.

Áp dụng Điều 47 của của Bộ luật hình sự 2015; các Điều 274, 275, 357, 584, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự 2015

Buộc bị cáo Trương Chung T (Trương Văn T) phải nộp 3.666.666 đồng (ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) sung công quỹ Nhà nước

Buộc bị cáo Dương Cao T1 phải nộp 466.666 đồng (Bốn trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) sung công quỹ Nhà nước

Buộc bị cáo Trương Văn T2 phải nộp 866.666 đồng (Tám trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) sung công quỹ Nhà nước

Buộc ông Hoàng Văn H phải nộp 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) sung công quỹ Nhà nước

Buộc bị cáo Trương Chung T (Trương Văn T) phải bồi thường cho anh Rơ Mah Đắc 4.625.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Buộc ông Hoàng Văn H phải bồi thường cho anh Rơ Mah Đ 4.625.000 đồng 4.625.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Trương Chung T (Trương Văn T), Trương Văn T3, Dương Cao T1 và ông Hoàng Văn Hoàn phải có nghĩa vụ chung bồi thường cho chị Ksor V 720.000 đồng (bảy trăm hai mươi ngàn đồng), cụ thể mỗi người bồi thường 180.000 đồng (Một trăm tám mươi ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Dương Cao T1 phải trả cho ông Nguyễn Văn S 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Buộc ông Hoàng Đại D và bà Hoàng Thị L phải có nghĩa vụ chung trả cho ông Nguyễn Văn S 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Buộc ông Hoàng Văn H phải trả cho ông Triệu Văn L 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Buộc ông Hoàng Văn H phải trả cho bà Nguyễn Thị T10 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trương Chung T (Trương Văn T) phải trả cho Hoàng Văn T5 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), ông Hoàng Văn Hoàn được nhận số tiền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Dương Cao T1 phải trả cho Hoàng Văn T5 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), ông Hoàng Văn H được nhận số tiền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

Buộc các bị cáo Trương Chung T (Trương Văn T), Trương Văn T2, Trương Văn T3 và Dương Cao T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm

Buộc bị cáo Trương Chung T (Trương Văn T) phải chịu 255.250 đồng (Hai trăm năm mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Dương Cao T1 phải chịu 200.750 đồng (hai trăm ngàn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trương Văn T3 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Hoàng Văn H phải chịu 347.750 đồng (ba trăm bốn mươi bảy ngàn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Buộc ông Hoàng Đại D và bà Hoàng Thị L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Quảng